

VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN LUẬT TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Lưu Hoài Bảo¹, Lê Thị Thùy Dung²
Email: luuhoaibaohlu.edu@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1038

Tóm tắt: Bài viết phân tích sự chuyển đổi vai trò của giảng viên luật trong bối cảnh giáo dục đại học đổi mới mạnh mẽ dưới tác động của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và sự phát triển của trí tuệ nhân tạo. Từ chỗ chủ yếu truyền đạt kiến thức, giảng viên luật nay đảm nhiệm các vai trò đa dạng hơn như định hướng tri thức, thiết kế trải nghiệm học tập, huấn luyện kỹ năng pháp lý, cố vấn nghề nghiệp - đạo đức và nghiên cứu liên ngành. Công nghệ số và AI (Artificial Intelligence) tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra thách thức về năng lực số, khai thác dữ liệu và đổi mới tư duy. Bài viết đề xuất khung năng lực toàn diện cho giảng viên luật trong kỷ nguyên số, bao gồm năng lực số - AI, tư duy sáng tạo, phân tích dữ liệu và đạo đức số. Kết luận nhấn mạnh cần chủ động thích ứng, đổi mới phương pháp và duy trì giá trị nhân văn để nâng cao chất lượng đào tạo pháp lý.

Từ khóa: giảng viên luật, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục pháp luật, chuyển đổi vai trò

I. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học nói chung và giáo dục pháp luật nói riêng đang trải qua một cuộc chuyển đổi sâu sắc dưới tác động của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và trí tuệ nhân tạo (AI). Sự phát triển của công nghệ số và công nghệ pháp lý (Legal Tech) không chỉ làm thay đổi mô hình hành nghề luật mà còn đặt ra những yêu cầu cấp thiết về việc đổi mới phương pháp sư phạm và vai trò của giảng viên luật. Trong bối cảnh

đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích sự chuyển đổi vai trò của giảng viên luật và đề xuất một khung năng lực toàn diện để họ thích ứng trong kỷ nguyên số. Bài viết kỳ vọng đóng góp cả về mặt lý luận (làm rõ sự chuyển dịch vai trò và xây dựng khung năng lực chuyên biệt) lẫn thực tiễn (cung cấp cơ sở cho việc hoạch định chính sách đào tạo và phát triển chuyên môn). Điểm mới của nghiên cứu là việc tích hợp một cách hệ thống các yếu

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội

² Công Ty Luật TNHH HPV

tổ AI và chuyển đổi số vào phân tích sự chuyển đổi vai trò của giảng viên luật tại Việt Nam. Bản thảo lần lượt trình bày bối cảnh, sự chuyển đổi vai trò, khung năng lực, thách thức - cơ hội, và kết luận cùng các kiến nghị.

II. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu dựa trên nền tảng lý thuyết về sự thay thế và tăng cường (Susskind & Susskind, 2017), lý giải việc công nghệ buộc giảng viên luật phải chuyển từ các nhiệm vụ có nguy cơ bị tự động hóa (truyền thụ tri thức) sang các vai trò mang tính tăng cường (định hướng, cố vấn). Đồng thời, Khung Năng lực Số cho Nhà giáo dục (DigCompEdu) của Redecker (2017) và Mô hình TPACK (Mishra & Koehler, 2006) cung cấp cơ sở để xây dựng khung năng lực kỹ thuật số và sự phạm cho giảng viên.

Lược khảo nghiên cứu liên quan: Thanaraj và Gledhill (2023) qua nghiên cứu định tính nhấn mạnh sự cần thiết của phương pháp sự phạm số trong đào tạo luật. Bond và cộng sự (2024) thông qua tổng quan hệ thống chỉ ra các cơ hội và thách thức về đạo đức của AI trong giáo dục đại học. Tại Việt Nam, các nghiên cứu như của Phan và Tiêu (2023) mới dừng lại ở phát triển năng lực số cho giảng viên đại học nói chung, chưa có công trình chuyên sâu nào về giảng viên luật. Trên cơ sở các lý thuyết nêu trên, nghiên cứu xây dựng khung phân tích sự dịch chuyển vai trò của giảng viên luật theo bốn trục chính. Lý thuyết “thay thế và tăng cường” của Susskind và Susskind (2022) làm rõ logic chuyển dịch từ các hoạt động giảng dạy có nguy cơ bị tự động hóa sang các vai trò mang tính gia tăng giá trị. Khung năng lực Số cho Nhà giáo dục DigCompEdu do Ủy ban châu Âu ban hành (European

Commission, 2017) và mô hình TPACK của Mishra và Koehler (2006) cung cấp nền tảng để lý giải sự mở rộng năng lực sự phạm - công nghệ của giảng viên trong quá trình chuyển đổi vai trò. Từ đó, bài viết xác định bốn sự dịch chuyển cốt lõi: (1) từ “kho tri thức” sang “người định hướng và kiến tạo tri thức”; (2) từ “người giảng giải” sang “nhà thiết kế trải nghiệm học tập”; (3) từ “chuyên gia đứng lớp” sang “người cố vấn và huấn luyện kỹ năng”; và (4) từ “nhà nghiên cứu độc lập” sang “nhà nghiên cứu liên ngành và ứng dụng”.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phân tích tài liệu và tổng quan tài liệu có hệ thống, chủ yếu là so sánh, tổng hợp và diễn giải các lý thuyết nền tảng và kết quả từ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào các tài liệu học thuật về giáo dục luật, chuyển đổi số, AI và phát triển năng lực giảng viên. Dữ liệu được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy, bao gồm các tạp chí khoa học quốc tế (Scopus, Google Scholar), sách chuyên khảo, báo cáo của các tổ chức giáo dục và các văn bản chính sách của Việt Nam. Các biến số trong khung phân tích (các vai trò, năng lực) được đánh giá thông qua tần suất xuất hiện và mức độ nhấn mạnh trong các tài liệu được lược khảo.

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Bối cảnh tác động và sự cần thiết phải chuyển đổi

Giáo dục đại học nói chung và giáo dục pháp luật nói riêng đang đứng trước một giai đoạn chuyển đổi sâu rộng, được thúc đẩy bởi tiến trình chuyển đổi số toàn diện và sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ

nhân tạo (AI). Sự xuất hiện và lan tỏa của các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs) như ChatGPT, Gemini, cùng các giải pháp công nghệ pháp lý (Legal Tech) đã làm thay đổi căn bản phương thức tạo lập, truy cập, xử lý và vận dụng tri thức pháp lý. Các công cụ AI không còn mang tính chất giả định hay viễn tưởng mà đã bước vào thực tiễn hành nghề, cho thấy khả năng tự động hóa nhiều hoạt động chuyên môn truyền thống của luật sư và thẩm phán, như soạn thảo hợp đồng, rà soát tài liệu, phân tích án lệ và hỗ trợ dự đoán kết quả tranh chấp. Những chuyển dịch này không chỉ tác động đến lĩnh vực hành nghề mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến hệ thống đào tạo luật - nơi chuẩn bị và phát triển nguồn nhân lực pháp lý cho tương lai. Theo báo cáo sơ kết triển khai chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống quản lý thông tin giáo dục đại học (HEMIS) đã số hóa dữ liệu của khoảng 470 cơ sở đào tạo đại học, bao gồm hơn 100.000 hồ sơ cán bộ và gần 3 triệu hồ sơ người học (số liệu chính thức từ GDĐT). Đây là minh chứng rằng việc thu thập, chuẩn hóa và số hóa thông tin nhân lực giáo dục đang diễn ra ở quy mô lớn trong toàn hệ thống đại học tại Việt Nam, trong đó có đội ngũ giảng viên luật (Hà Giang, 2025). Việc dữ liệu ngành giáo dục đã được kết nối và xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia, định danh hơn 24 triệu giáo viên và học sinh (đạt 98%), cho thấy ngành đang xây dựng hạ tầng số rất lớn để phục vụ quản lý và phân tích thông tin nghề nghiệp (Nhan Dan Online, 2024). Tuy nhiên, cần phân biệt rõ giữa mức độ số hóa dữ liệu quản lý và mức độ thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong bối cảnh số hóa của đội ngũ giảng viên luật. Thực tiễn đào tạo cho thấy, mặc dù dữ liệu về đội ngũ và người học đã được số hóa ở quy mô lớn, nhưng việc khai thác công nghệ số và

AI trong hoạt động giảng dạy pháp luật vẫn còn hạn chế. Phần lớn giảng viên luật hiện nay vẫn đảm nhiệm nhiệm vụ giảng dạy chủ yếu theo mô hình truyền thống, lấy thuyết giảng và truyền đạt nội dung quy phạm làm trung tâm; việc tổ chức các hoạt động học tập dựa trên tình huống, mô phỏng, phân tích dữ liệu án lệ hoặc huấn luyện kỹ năng pháp lý trong môi trường số chưa trở thành thực hành phổ biến. Việc ứng dụng các công cụ công nghệ pháp lý (Legal Tech) và AI trong giảng dạy còn mang tính cá nhân, tự phát, chưa được chuẩn hóa thành yêu cầu nghề nghiệp hay tiêu chí đánh giá chính thức đối với giảng viên luật.

Trong bối cảnh thông tin pháp lý ngày càng dễ tiếp cận và phổ cập, vai trò truyền thống của giảng viên luật với tư cách là “kho tri thức sống” - người nắm giữ và truyền đạt tri thức một cách gần như độc quyền - đang bị thách thức rõ rệt. Người học ngày nay không chỉ cần tiếp thu quy định pháp luật, mà quan trọng hơn, cần được trang bị năng lực vận dụng chúng trong môi trường số phức tạp, khả năng hợp tác với AI, cũng như các kỹ năng tư duy bậc cao mà máy móc khó có thể thay thế. Bối cảnh này đặt ra một câu hỏi cấp thiết: Trong bối cảnh đó, một vấn đề trọng tâm được đặt ra: vai trò mới của giảng viên luật là gì khi nhiều thành tố tri thức và kỹ năng nghề nghiệp truyền thống đang đứng trước nguy cơ bị tự động hóa bởi các hệ thống số và công nghệ AI? Việc xác lập lại chức năng nghề nghiệp không chỉ là yêu cầu cấp thiết nhằm thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường giáo dục và hành nghề pháp luật, mà còn là điều kiện then chốt để giảng viên luật tiếp tục khẳng định giá trị chuyên môn cốt lõi trong kỷ nguyên số. Cần nhấn mạnh rằng quá trình chuyển đổi không chỉ đơn

thuần là việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy, mà là một thay đổi căn bản trong tư duy sư phạm và bản sắc nghề nghiệp. Giảng viên luật không còn giới hạn ở vai trò chuyên gia truyền đạt tri thức, mà đang dịch chuyển trở thành người kiến tạo môi trường học tập, người dẫn dắt quá trình hình thành năng lực và người cố vấn định hướng nghề nghiệp - góp phần phát triển toàn diện năng lực pháp lý của người học trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng sâu rộng.

4.2. Sự chuyển đổi vai trò của giảng viên luật: từ truyền thụ tri thức sang kiến tạo năng lực

Sự chuyển dịch vai trò của giảng viên luật trong kỷ nguyên số là một quá trình mang tính đa chiều, có chiều sâu và gắn liền với sự biến đổi của tri thức pháp lý cũng như nhu cầu của xã hội hiện đại. Sự chuyển đổi này không phủ định vai trò truyền thống, mà thể hiện sự kế thừa và phát triển, hướng tới việc định hình một mô hình giảng viên toàn diện, linh hoạt và thích ứng hơn với bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ nhất, dưới tác động của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo, vai trò giảng viên luật chuyển từ “kho tri thức sống” sang “người định hướng và kiến tạo tri thức”. Thay vì truyền đạt một chiều như trước, giảng viên tập trung thiết kế và dẫn dắt quá trình học, giúp sinh viên chủ động xây dựng tri thức và phát triển tư duy pháp lý bậc cao.

Khi thư viện số, cơ sở dữ liệu trực tuyến và AI cung cấp thông tin nhanh và rộng, giảng viên không còn giữ “độc quyền tri thức”. Họ trở thành “người định hướng”: hỗ trợ sinh viên đánh giá độ tin cậy nguồn dữ liệu, phân biệt tài liệu học thuật với nội dung phổ thông, sử dụng tìm kiếm nâng cao và phân tích phê phán các kết quả AI.

Đồng thời, giảng viên đảm nhiệm vai trò “người kiến tạo tri thức” thông qua việc chọn lọc, hệ thống hóa và kết nối các học liệu số-từ văn bản pháp luật đến án lệ và bài báo khoa học-giúp biến nguồn thông tin rời rạc thành hệ thống tri thức mạch lạc, dễ tiếp cận.

Thứ hai, vai trò của giảng viên thay đổi từ “người giảng giải” sang “nhà thiết kế trải nghiệm học tập”. Nếu trước đây kỹ năng sư phạm chủ yếu gắn với việc truyền đạt và giải thích nội dung theo hình thức thuyết giảng, thì trong bối cảnh hiện nay, nhiệm vụ trọng tâm là thiết kế các trải nghiệm học tập giúp người học chủ động khám phá, tương tác và kiến tạo tri thức. Giảng viên luật hiện đại thiết kế các môi trường học tập tích hợp công nghệ, tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận những bối cảnh pháp lý mô phỏng có độ chân thực cao. Chẳng hạn, thay vì chỉ nghe giảng về kỹ năng tranh tụng, sinh viên có thể tham gia các phiên tòa mô phỏng trực tuyến hoặc thông qua công nghệ thực tế ảo, nhập vai luật sư, thẩm phán hoặc kiểm sát viên. Điều này giúp họ rèn luyện phản xạ nghề nghiệp, năng lực lập luận và kỹ năng ứng xử pháp lý trong môi trường an toàn nhưng có tính trải nghiệm mạnh. Một ví dụ khác là việc sử dụng AI trong phân tích dữ liệu án lệ. Giảng viên có thể cung cấp bộ dữ liệu án lệ quy mô lớn và hướng dẫn sinh viên sử dụng kỹ thuật khai phá văn bản để phát hiện các xu hướng xét xử hoặc yếu tố pháp lý then chốt ảnh hưởng đến phán quyết. Cách tiếp cận này tích hợp “luật dự đoán” và “pháp luật dựa trên dữ liệu” vào chương trình đào tạo. Đồng thời, mô hình “lớp học đảo ngược” tiếp tục khẳng định giá trị khi cho phép giảng viên dành thời gian trên lớp cho các hoạt động thảo luận chuyên sâu, phản biện, mô phỏng và giải quyết tình huống, thay vì truyền đạt lý thuyết một chiều.

Thứ ba, vai trò của giảng viên chuyển dịch từ “chuyên gia đứng lớp” sang “người cố vấn và huấn luyện kỹ năng”. Đây là một dạng giá trị gia tăng mà công nghệ khó có thể thay thế. Mặc dù AI có khả năng xử lý thông tin hiệu quả, nó thiếu những phẩm chất cốt lõi của con người như trực giác, sự đồng cảm, năng lực đánh giá đạo đức và khả năng sáng tạo. Do đó, giảng viên luật trở thành “người huấn luyện kỹ năng” (Skills Coach) - hỗ trợ sinh viên phát triển tư duy phản biện pháp lý, năng lực phân tích đa chiều, kỹ năng lập luận - tranh biện, khả năng thuyết phục và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Họ đóng vai trò dẫn dắt trong việc hình thành bản lĩnh nghề nghiệp, định hướng trách nhiệm xã hội của một luật gia và giải quyết các vấn đề đạo đức mới nảy sinh trong môi trường số như thiên lệch thuật toán, bảo vệ dữ liệu cá nhân hay minh bạch trong vận hành hệ thống. Bên cạnh đó, vai trò “người cố vấn nghề nghiệp” (Mentor) ngày càng trở nên quan trọng. Giảng viên đồng hành cùng sinh viên trong việc hoạch định lộ trình nghề nghiệp, phát triển năng lực cá nhân và rèn luyện các kỹ năng mềm cốt yếu. Mối quan hệ thầy - trò mang tính cá nhân hóa này là giá trị đặc thù của giáo dục chất lượng cao và không thể được thay thế bằng thuật toán.

Thứ tư, giảng viên luật chuyển đổi từ “nhà nghiên cứu độc lập” sang “nhà nghiên cứu liên ngành và ứng dụng”. Nghiên cứu pháp lý hiện đại đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ với các lĩnh vực khoa học liên quan để giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp nảy sinh từ công nghệ mới. Điều này bao gồm nghiên cứu về khung pháp lý đối với trí tuệ nhân tạo, tài sản số, hợp đồng thông minh, xe tự lái, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và tác động của nền tảng số đối với pháp luật lao động hoặc cạnh tranh.

Để thực hiện hiệu quả, giảng viên cần hợp tác với chuyên gia trong các lĩnh vực như khoa học máy tính, kỹ thuật, kinh tế hoặc xã hội học. Đồng thời, sự phát triển của phương pháp nghiên cứu dựa trên dữ liệu (data-driven law) mở ra cơ hội vận dụng kỹ thuật phân tích dữ liệu lớn và học máy nhằm đánh giá xu hướng xét xử, dự đoán tác động của các quy định pháp luật hoặc phân tích hành vi của các chủ thể pháp lý. Điều này góp phần đưa giảng viên luật từ vị trí nhà nghiên cứu độc lập sang vị thế của một nhà khoa học liên ngành, có đóng góp trực tiếp và thiết thực cho việc hoạch định chính sách và giải quyết vấn đề thực tiễn trong xã hội số.

4.3. Khung năng lực và những thách thức - cơ hội đặt ra

Để thực hiện hiệu quả các vai trò mới vốn mang tính phức tạp và đa dạng như đã phân tích, giảng viên luật cần được trang bị một khung năng lực toàn diện, vượt xa phạm vi tri thức chuyên môn thuần túy. Khung năng lực này là sự kết hợp hài hòa giữa năng lực kỹ thuật, năng lực sư phạm và các phẩm chất nhân văn cốt lõi, đồng thời có thể được vận dụng như một khung tham chiếu trong đánh giá, đào tạo và bồi dưỡng giảng viên luật trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ nhất, năng lực kỹ thuật số và khai thác công cụ AI là nền tảng không thể thiếu cho giảng viên trong kỷ nguyên số. Năng lực này không chỉ dừng lại ở việc thành thạo các công cụ văn phòng cơ bản mà bao gồm khả năng vận hành các Hệ thống Quản lý Học tập (LMS) như Moodle, Canvas, thiết kế và biên tập học liệu số đa phương tiện bằng các công cụ như Canva, Adobe Spark, CapCut, cũng như hiểu biết cơ bản về các công cụ AI phổ biến (ChatGPT, Gemini) và công

nghe pháp lý (Legal Tech). Giảng viên cần đánh giá được độ chính xác và các thiên lệch tiềm ẩn của AI, đồng thời hướng dẫn sinh viên sử dụng AI một cách phê phán, có trách nhiệm và hiệu quả.

Thứ hai, năng lực sư phạm sáng tạo và thiết kế học tập là trọng tâm của quá trình chuyển đổi vai trò, giúp giảng viên chuyển từ người truyền thụ kiến thức sang người thiết kế trải nghiệm học tập (Learning Experience Designer). Năng lực này bao gồm việc thiết kế các hoạt động học tập theo định hướng dự án (*project-based learning*), theo định hướng vấn đề (*problem-based learning*), các hoạt động mô phỏng có tích hợp công nghệ (*technology-enhanced simulations*), đồng thời linh hoạt vận dụng các mô hình dạy học tiên tiến như học tập kết hợp (*Blended Learning*), lớp học đảo ngược (*Flipped Classroom*) và học tập vi mô (*Microlearning*). Đồng thời, giảng viên cần phát triển năng lực đánh giá đa dạng, từ các bài thi truyền thống sang đánh giá quá trình, portfolio điện tử và thuyết trình đa phương tiện, nhằm đo lường năng lực thực tế của sinh viên.

Thứ ba, về năng lực dữ liệu, giảng viên luật cần có khả năng sử dụng phân tích dữ liệu học tập và dữ liệu pháp lý nhằm theo dõi tiến độ học tập của người học, phát hiện sớm các khó khăn và triển khai các biện pháp hỗ trợ cá nhân hóa. Ở phạm vi rộng hơn, năng lực này còn phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý, như phân tích xu hướng pháp luật, đánh giá tác động chính sách và xây dựng khuyến nghị dựa trên bằng chứng. Trong đánh giá và đào tạo giảng viên luật, năng lực dữ liệu có thể được xem là tiêu chí hỗ trợ phản ánh mức độ gắn kết giữa giảng dạy, nghiên cứu và thực tiễn pháp lý.

Bên cạnh đó, năng lực đạo đức và văn hoá số ngày càng quan trọng. Giảng viên phải nhận thức sâu sắc các vấn đề đạo đức trong công nghệ và AI như thiên lệch thuật toán, quyền riêng tư, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Họ đóng vai trò định hướng sinh viên về đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số, sử dụng AI trung thực, tôn trọng bản quyền và bảo mật thông tin. Quan trọng hơn, giảng viên phải gìn giữ và truyền tải các giá trị nhân văn cốt lõi của nghề luật - công lý, bình đẳng, lòng trắc ẩn và đạo đức nghề nghiệp - bảo đảm công nghệ phục vụ con người thay vì làm phai mờ các giá trị đó.

Tuy nhiên, chuyển đổi số trong giáo dục luật đối mặt nhiều thách thức. Khoảng cách số và tâm lý e ngại công nghệ của một bộ phận giảng viên lớn tuổi là rào cản đáng kể, trong khi áp lực “công bố quốc tế” làm giảm thời gian đầu tư cho đổi mới sư phạm. Hạ tầng công nghệ và nguồn lực tài chính hạn chế khiến nhiều cơ sở đào tạo chưa thể trang bị các công nghệ pháp lý (Legal Tech), nền tảng học trực tuyến hay phòng mô phỏng hiện đại. Việt Nam hiện cũng thiếu một khung năng lực số chuẩn hóa cho giảng viên, dẫn đến các khóa tập huấn rời rạc, thiếu tính hệ thống. Ngoài ra, nguy cơ phụ thuộc thụ động vào AI có thể làm suy giảm tư duy phản biện, khả năng sáng tạo và năng lực phân tích sâu của người học.

Dù vậy, kỷ nguyên số mở ra nhiều cơ hội. Công nghệ giúp cá nhân hóa học tập, tăng tính trực quan qua mô phỏng và học liệu đa phương tiện, đồng thời hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp gắn với môi trường số. Các khóa học trực tuyến mở đại trà (Massive Open Online Courses - MOOCs) và các chương trình đào tạo từ xa (distance learning programs) mở rộng tiếp

cận giáo dục pháp luật, vượt qua giới hạn địa lý. Công nghệ cũng thúc đẩy nghiên cứu liên ngành và hợp tác quốc tế, giúp giảng viên kết nối với các chuyên gia toàn cầu. Đặc biệt, sự xuất hiện của AI buộc các trường luật tái xác định giá trị cốt lõi của giáo dục pháp lý, nhấn mạnh những năng lực không thể bị thay thế như tư duy phản biện, sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp và năng lực lãnh đạo. Qua đó, giáo dục luật tiếp tục khẳng định sứ mệnh nhân văn trong bối cảnh chuyển đổi số nhanh chóng.

V. Kết luận và kiến nghị

Sự chuyển đổi vai trò của giảng viên luật trong bối cảnh đổi mới và chuyển đổi số giáo dục đại học là xu thế tất yếu, đòi hỏi sự thích ứng chủ động của các chủ thể đào tạo. Công nghệ và AI không làm giảm vai trò giảng viên mà thúc đẩy họ đổi mới, nâng cấp năng lực và khẳng định giá trị trong đào tạo nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao. Việc chuyển từ vai trò “chuyên gia truyền thụ tri thức” sang “nhà thiết kế học tập”, “người định hướng”, “cố vấn học thuật” và “nhà nghiên cứu liên ngành” làm phong phú thêm giá trị nghề nghiệp của giảng viên.

Đối với cơ sở đào tạo luật, cần triển khai các giải pháp nền tảng. Trước hết là xây dựng Khung năng lực số cho giảng viên luật, tham chiếu các mô hình quốc tế như DigCompEdu và TPACK, đồng thời điều chỉnh cho phù hợp bối cảnh Việt Nam. Cùng với đó là đầu tư hạ tầng và nền tảng số: nâng cấp mạng, mua bản quyền cơ sở dữ liệu pháp luật và phần mềm công nghệ pháp lý (Legal Tech), xây dựng các phòng mô phỏng phiên tòa và không gian học tập số. Các chương trình bồi dưỡng giảng viên cần được tổ chức thường xuyên, hệ thống và có chứng nhận, kết hợp đào tạo trực tiếp - trực tuyến, tập trung vào sự phạm

số, ứng dụng AI và phát triển học liệu điện tử. Việc thành lập Trung tâm Hỗ trợ Giảng dạy và Công nghệ sẽ cung cấp tư vấn sự phạm và hỗ trợ kỹ thuật. Ngoài ra, cơ chế đánh giá - khen thưởng cần ghi nhận nỗ lực đổi mới giảng dạy và phát triển học liệu số, bên cạnh thành tích nghiên cứu.

Đối với giảng viên luật, sự chủ động và tinh thần học tập suốt đời là yếu tố quyết định. Giảng viên cần thường xuyên cập nhật năng lực số, thử nghiệm các công cụ công nghệ và AI trong giảng dạy; đồng thời đổi mới phương pháp sự phạm thông qua những cải tiến khả thi như lớp học đảo ngược, công cụ tương tác trực tuyến hay bài tập dự án tích hợp AI. Việc tham gia các mạng lưới chuyên môn trong nước và quốc tế về giáo dục luật và công nghệ pháp lý (Legal Tech) giúp giảng viên cập nhật xu hướng và trao đổi kinh nghiệm. Dù công nghệ phát triển nhanh, giảng viên vẫn phải duy trì tính liêm chính, chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội của nghề luật.

Tóm lại, quá trình chuyển đổi vai trò của giảng viên luật trong kỷ nguyên số vừa đặt ra yêu cầu mới vừa tạo nhiều cơ hội nâng cao chất lượng đào tạo. Bằng sự thích ứng chủ động, ứng dụng công nghệ phù hợp và giữ vững giá trị nghề nghiệp cốt lõi, đội ngũ giảng viên luật có thể đóng góp thiết thực vào cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền và tăng cường hội nhập quốc tế của giáo dục pháp luật Việt Nam.

Lời cảm ơn: Các tác giả xin trân trọng cảm ơn các cơ quan, tổ chức và cá nhân đã hỗ trợ về kinh phí, tạo điều kiện nghiên cứu, cung cấp thông tin, dữ liệu và những ý kiến góp ý chuyên môn trong quá trình thực hiện nghiên cứu và hoàn thiện bản thảo bài viết này.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ahmad, S. U., Mujtaba, B. G., & Whangbo, T. (2023). Education 5.0: Requirements, enabling technologies, and future directions. *arXiv preprint.* <https://arxiv.org/abs/2307.15846>.
- [2]. Ban Chấp hành Trung ương. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW: Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 ban hành kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025*.
- [4]. Bond, M., Khosravi, H., De Laat, M., Bergdahl, N., Negrea, V., Oxley, E., Pham, P., Chong, S. W., & Siemens, G. (2024). A meta systematic review of artificial intelligence in higher education: A call for increased ethics, collaboration, and rigour. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 21(1). [<https://doi.org/10.1186/s41239-023-00436-z>] (<https://doi.org/10.1186/s41239-023-00436-z>).
- [5]. Cabero-Almenara, J., Palacios-Rodríguez, A., Loaiza-Aguirre, M. I., & Pugla-Quirola, D. R. (2025). A Structural Model of Distance Education Teachers' Digital Competencies for Artificial Intelligence. *Education Sciences*, 15(10), 1271. <https://doi.org/10.3390/educsci15101271>
- [6]. Chan, C. K. Y., & Tsi, L. H. Y. (2023). The AI revolution in education: Will AI replace or assist teachers in higher education? *arXiv preprint.* <https://arxiv.org/abs/2305.01185>.
- [7]. Châu, T. H. N. (2023). Tổng quan về phát triển năng lực số trong dạy học cho sinh viên các trường đại học trên thế giới và Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, 23 (số đặc biệt 7), 305-309. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/924>.
- [8]. Gan, W., Qi, Z., Wu, J., & Lin, J. C.-W. (2023). Large language models in education: Vision and opportunities. *arXiv preprint.* <https://arxiv.org/abs/2311.13160>.
- [9]. Hà Giang. (2025). Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo: Nền tảng cho chuyển đổi số toàn diện trong ngành giáo dục. *Tạp chí Giáo dục*. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89829/211/xay-dung-co-so-du-lieu-quoc-gia-ve-giao-duc-va-dao-tao-nen-tang-cho-chuyen-doi-so-toan-dien-trong-nganh-giao-duc>
- [10]. Huỳnh, T. M. T. (2025). Thúc đẩy việc học tập suốt đời của giảng viên đại học trong kỷ nguyên số. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, số đặc biệt 7A*, 199-206. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.777>.
- [11]. Jiang, H., Zhang, X., Mahari, R., Kessler, D., Ma, E., August, T., Li, I., Pentland, A., Kim, Y., Roy, D., & Kabbara, J. (2024). Leveraging large language models for learning complex legal concepts through storytelling. *arXiv preprint.* <https://arxiv.org/abs/2402.17019>.
- [12]. Koehler, Matthew. J., & Mishra, P. (2009). What is technological pedagogical content knowledge. *Contemporary Issues in Technology and Teacher Education*, 9(1), 60-70.
- [13]. Mishra, P., & Koehler, M. J. (2006). Technological pedagogical content knowledge: A framework for teacher knowledge. *Teachers College Record*, 108(6), 1017-1054.
- [14]. Nhan Dan Online. (2024). Promoting digital transformation in higher education. *Nhan Dan Online*. <https://en.nhandan.vn/promoting-digital-transformation-in-higher-education-post142370.html>.

- [15]. Phan, T. M. T., & Tiêu, B. S. (2023). Nâng cao năng lực của giảng viên đại học thời chuyển đổi số. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*, 25, 139-146. <https://doi.org/10.59294/HIUIJS.25.2023.513>.
- [16]. Redecker, C. (2017). *European Framework for the Digital Competence of Educators: DigCompEdu*. Publications Office of the European Union.
- [17]. Susskind, R. E., & Susskind, D. (2017). *The Future of the Professions: How Technology Will Transform the Work of Human Experts*. Oxford University Press.
- [18]. Thanaraj, A., & Gledhill, K. (Eds.). (2023). *Teaching Legal Education in the Digital Age: Pedagogical Practices to Digitally Empower Law Graduates*. Routledge. <https://www.routledge.com/Teaching-Legal-Education-in-the-Digital-Age-Pedagogical-Practices-to-Digitally-Empower-Law-Graduates/Thanaraj-Gledhill/p/book/9781032362267>
- [19]. Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.”*
- [20]. Trần, T. P., & Dương, V. A. (2025). Vai trò của đội ngũ giảng viên đại học trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*, 31(6), 284-287. https://tamlygiaoduc.com.vn/wp-content/uploads/2025/06/65.da-tt-12.5.TTphuc_Vai-tro-GV-trong-boi-canhh-CMCN-4.0.pdf.

THE ROLE OF LAW LECTURERS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION IN HIGHER EDUCATION

Luu Hoai Bao¹, Le Thi Thuy Dung²

Abstract: *The article analyzes the transformation of law lecturers' roles in the context of strong innovation in higher education under the impact of the Fourth Industrial Revolution and the development of artificial intelligence. Moving from primarily transmitting knowledge, law lecturers now undertake a range of roles, including knowledge orientation, learning experience design, legal skills coaching, career-ethics mentoring, and interdisciplinary research. Digital technology and AI (Artificial Intelligence) create numerous opportunities but also pose challenges regarding digital competence, data utilization, and pedagogical innovation. The article proposes a comprehensive competency framework for law lecturers in the digital age, encompassing digital-AI literacy, creative pedagogy, data analysis, and digital ethics. The conclusion emphasizes the need for proactive adaptation, methodological innovation, and the preservation of humanistic values to enhance the quality of legal education.*

Keywords: *law lecturers, digital transformation, artificial intelligence (AI), legal education, role transformation*

¹ Hanoi Law University

² HPVN Law Co., Ltd